

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:137/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 12 năm 2022  
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Anh Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Hưng – Bà Phan Thị Quế

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:266/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 209/2022/QĐ-HPT ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

Giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/11/1995. (Có mặt)

Trú tại: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quý Đ, sinh ngày 02/6/1991.

Trú tại: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Quý Đ tổ chức cưới nhau vào tháng 8/2013, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương được sự đồng ý chấp thuận của gia đình hai bên. Chị T, Anh Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND

xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 141/2013 ngày 02/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2016 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống có nhiều va chạm, xô xát, xử sự không đúng mực đối với nhau, nên vợ chồng mất hết tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Do mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc, trầm trọng vợ chồng khó duy trì hôn nhân, nên Chị T, Anh Đ không có thức hòa giải với nhau để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng cũng không yêu cầu gia đình hai bên, các tổ chức đoàn thể nơi vợ chồng cư trú tổ chức hòa cho vợ chồng mà để mặc cho hậu quả hôn nhân cho hôn nhân đổ vỡ. Chị T xác định đã mất hết tình cảm tình yêu đối với Anh Đ, nên chị đã chủ động sống ly thân cắt đứt các quan hệ, liên hệ đối với Anh Đ từ cuối năm 2017 cho đến nay. Để ổn định cuộc sống Chị T đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn Anh Nguyễn Quý Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Đình L(Giới tính: Nam), sinh ngày 23/4/2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang do Anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu ly hôn Chị T đề nghị giao nuôi con theo hiện trạng, vì con chung có nguyên vọng sinh sống trực tiếp với Anh Đ, chị T tự nguyện hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Quý Đ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của Anh Đ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quý Đ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn Anh Nguyễn

Quý Đ không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Nguyễn Quý Đ.

[2]Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị T, Anh Nguyễn Quý Đ đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị T, Anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 141 /2013 ngày 02/8/2013, nên xác định hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Quý Đ là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Chị T, Anh Đ tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau trong quá trình sống chung. Chị T, Anh Đ mâu thuẫn trầm trọng, sâu sắc không còn tình cảm với nhau đã sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ từ đầu năm 2018. Kể từ ngày sống ly thân cho đến nay các bên không có ý thức liên lạc níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa Chị T, Anh Đ đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn nhân giữa các bên không còn. Nay Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Đ là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Nguyễn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Quý Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 01 con chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung được Anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Con chung của vợ chồng được Anh Đ nuôi dạy tốt, phát triển tích cực về mọi mặt. Nay Chị T đề nghị giao con chung cho Anh Đ nuôi là đúng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Nguyễn Thị T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng là người mẹ có trách nhiệm cao đối

với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung của Chị Nguyễn Thị T.

- **Về quan hệ tài sản:** Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

**Xử:**

**1. Về quan hệ tình cảm:** Chị Nguyễn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Quý Đ.

**2. Về quan hệ con chung:** Giao con chung cháu Nguyễn Đình L (Giới tính: Nam), sinh ngày 23/4/2014 cho Anh Nguyễn Quý Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T như sau:

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh Nguyễn Quý Đ mỗi tháng 1.000.000 đ ( Bằng chữ: Một triệu đồng), kể từ tháng 12/2022 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Anh Nguyễn Quý Đ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu Chị Nguyễn Thị T không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị T người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về án phí:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0012486 ngày 09/11/2022. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**4.Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Vũ Anh Ngọc**